

Số:290 /BC-UBND

Đăk Nông, ngày 05 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của tỉnh Đăk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019;

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-HĐND ngày 25/3/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về việc tổ chức Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa III, nhiệm kỳ 2016 – 2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, cụ thể như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Năm 2019 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (*sau đây viết tắt là “THTK, CLP”*) luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.

Công tác quán triệt tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức: Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, hội nghị cấp tỉnh, qua hệ thống phát

thanh truyền hình, qua các cuộc họp nhằm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các văn bản của Đảng và Nhà nước và thông qua trang Web của các Sở, các kỳ họp giao ban của các Sở, ngành, qua đó Trưởng các phòng ban trong từng đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở, huyện, thị xã tổ chức tuyên truyền đến cán bộ công chức, viên chức và người lao động; công tác tuyên truyền là nhiệm vụ thường xuyên trong chi bộ, đảng ủy, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả công tác THTK, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP:

- Đầu năm 2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019. Trên cơ sở đó, các Sở, Ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã; các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước (*sau đây viết tắt là "các cơ quan, đơn vị"*) xây dựng kế hoạch, nội dung và biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực về tài chính, tài sản, đất đai, một số nguồn, nhân lực khác.

- Các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra là ban hành các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực như: Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước; quản lý, sử dụng điện năng; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; hướng dẫn hoạt động tiêu dùng, sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

3. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc THTK, CLP:

Việc kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân tại các cơ quan, đơn vị; thanh tra cấp trên đối với cấp dưới gồm thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành hoặc qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

II. Tình hình, kết quả THTK - CLP 6 tháng đầu năm 2019:

1. Kết quả đạt được:

1.1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở các văn bản có liên quan hướng dẫn triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Trung ương và của UBND tỉnh, các đơn vị đã ban hành Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 để làm cơ sở triển khai thực hiện cho cả năm; đồng thời các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (như xe ô tô, máy

móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm...), quy định định mức tiêu hao nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện, nước ... để phục vụ cho việc quản lý, kiểm soát chi tiêu của đơn vị. Khi có sự thay đổi về định mức, tiêu chuẩn, chế độ các đơn vị đã kịp thời cập nhật sửa đổi định mức cho phù hợp với quy định mới. Tổ chức lấy ý kiến tập thể và có sự tham gia của tổ chức công đoàn trong việc xây dựng định mức, biện pháp khoán chi, từ đó đề ra các chỉ tiêu cụ thể sát với thực tế. Việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành đã được cụ thể hóa vào quy chế chi tiêu nội bộ của mỗi cơ quan, đơn vị.

1.2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

- Tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức: Trong 06 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về dự toán thu chi NSNN năm 2019. Đồng thời, trong quá trình tổng hợp quyết toán năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu việc phân bổ ngân sách tỉnh để phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi là 266.216 triệu đồng (trong đó tăng thu ngân sách tinh là 130.452 triệu đồng, tăng thu nguồn sử dụng đất là 5.061 triệu đồng, tiết kiệm chi là 130.703 triệu đồng).

- Tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: Gồm cấp tỉnh và cấp huyện giao là 131.899 triệu đồng, thực hiện là 125.123 đạt 95% so với kế hoạch năm 2019 và đạt 150% so với 06 tháng đầu năm 2018 (trong đó: 06 tháng năm 2018 là 83.360 triệu đồng), trong đó:

+ Tiết kiệm dự toán chi thường xuyên do tỉnh quản lý theo số của Bộ Tài chính giao là 97.898 triệu đồng, tỉnh thực hiện tiết kiệm là 99.745 triệu đồng, cao hơn 1.847 triệu đồng, đạt 102% so với kế hoạch.

+ Tiết kiệm dự toán chi thường xuyên do các huyện, thị xã quản lý theo kế hoạch là 34.001 triệu đồng, thực hiện tiết kiệm là 25.378 triệu đồng đạt 75% so với kế hoạch.

- Tiết kiệm từ việc thẩm tra phê duyệt quyết toán ngân sách cho toàn tỉnh: Hiện tại các đơn vị chưa thực hiện thẩm tra, xét duyệt quyết toán của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã nên chưa có số liệu cụ thể.

1.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Thời gian qua tỉnh đã áp dụng việc mua sắm theo phương thức tập trung theo danh mục tài sản được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 và trang bị xe ô tô của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng tiêu chuẩn và định mức tại Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 03/09/2013.

- Số lượng ô tô, mô tô, xe gắn máy toàn tỉnh là 265 chiếc.
- Số lượng phương tiện thanh lý, điều chuyển là 02 chiếc (đơn vị: UBND huyện Đăk R'lấp).

1.4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Việc mua sắm tài sản thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Đấu thầu.

- Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước được UBND tỉnh, huyện và thị xã thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Việc điều chuyển, bán, thanh lý tài sản nhà nước: Công tác thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán tài sản nhà nước được triển khai thực hiện kịp thời, đúng trình tự, thủ tục theo quy định thực hiện theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các cơ quan, đơn vị quản lý đầu tư, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư, chủ trương đầu tư, đơn vị thực hiện dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước đã chấp hành đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện triệt để tiết kiệm THTK, CLP trong thẩm định dự án, dự toán và phê duyệt trước khi thực hiện.

a) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

- Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán: Theo kế hoạch là 615 triệu đồng, thực hiện 06 tháng đầu năm là 615 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong việc thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: Theo kế hoạch là 356 triệu đồng, thực hiện 06 tháng đầu năm là 356 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong việc thực hiện đầu tư, thi công: Theo kế hoạch là 1.662 triệu đồng, thực hiện là 1.662 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong việc thực hiện công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Theo kế hoạch là 24.300 triệu đồng, thực hiện là 9.299 triệu đồng đạt 38% so với kế hoạch.

- Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch là 1.000 triệu đồng.

b) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng.

- Tổng diện tích trụ sở làm việc của tỉnh là: 1.715.094m². Trong 6 tháng đầu năm không có sự biến động tăng, giảm.

- Tổng diện tích nhà công vụ của tỉnh là 19.692m². Từ đầu năm đến nay không có sự biến động tăng, giảm.

1.5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất:

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Trong 04 tháng đầu năm, UBND tỉnh phê duyệt: Dự toán công trình đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất của các công ty giao về cho địa phương quản lý, bố trí sử dụng cho 03 đơn vị; Thiết kế kỹ thuật – dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính, xác định mốc, ranh giới để tổ chức thu hồi diện tích đất của Công ty TNHH MTV Cà phê 15.

+ Trong 4 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định Cấp GCNQSD đất cho 11 tổ chức với tổng diện tích 219.647 m² (trong đó: Cấp mới 05 tổ chức với tổng diện tích 45.074,4 m² và cấp đổi 06 tổ chức với tổng diện tích 174.572,6 m²).

+ Đối với việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân: Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong quý là 18.855 hồ sơ; Hồ sơ đã xử lý: 15.427 hồ sơ ; Hồ sơ đang xử lý: 1.171 hồ sơ (*trong đó, chuyển UBND cấp huyện 63 hồ sơ; chuyển Phòng TNMT huyện 1.087 hồ sơ, chuyển VPĐK đất đai 21 hồ sơ*); Hồ sơ chưa giải quyết Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: 1.541 hồ sơ.). Hồ sơ trả một cửa: 716 hồ sơ. Trong 2.598 hồ sơ nhận trong quý I năm 2019 và 772 hồ sơ quý 4 năm 2017 chuyển qua. Trong đó hồ sơ đã giải quyết: 2.281 hồ sơ; hồ sơ chuyển trả, bổ sung: 395 hồ sơ; hồ sơ đang giải quyết: 685 hồ sơ.

+ Hiện nay đang triển khai thực hiện Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04/01/2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất:

Trong 04 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã xử lý 10 hồ sơ đề nghị giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với các đơn vị, tổ chức, trong đó:

+ Công tác giao đất không thu tiền sử dụng đất gồm: 03 hồ sơ, với diện tích 3,65 ha.

+ Công tác thuê đất: 02 hồ sơ, với diện tích 96,41 ha.

+ Công tác thu hồi đất: 02 hồ sơ, với diện tích 163,59 ha.

+ Điều chỉnh Quyết định cho 02 hồ sơ.

+ Gia hạn thời gian thuê đất cho 01 hồ sơ.

+ Thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng cho 08 đơn vị.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực đất đai:

+ Công tác tiếp công dân: Tiếp 21 lượt/21 người. Với nội dung thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, chính sách đền bù, thu hồi đất; về thẩm quyền giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, tranh chấp đất đai...

+ Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: Tổng số đơn tiếp nhận 34 đơn. Sở đã phân loại, xử lý đơn và chuyển đơn đến cấp có thẩm quyền để giải quyết; Trong quý I năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã tiến hành triển khai các cuộc thanh tra theo Kế hoạch của đơn vị; Tổng số cuộc thanh tra: 01 cuộc/01 đơn vị (trong đó: Thanh tra theo kế hoạch 01 cuộc/01 đơn vị); Nội dung thanh tra: Tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng chống tham nhũng và thực hiện quy chế dân chủ đơn vị Trung tâm Quan trắc Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Tiến độ thanh tra: Hiện tại đang dự thảo kết luận thanh tra.

Nhìn chung, công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đã được lập theo đúng trình tự, thủ tục nhà nước quy định, theo đúng quy hoạch - kế hoạch được duyệt và đúng thẩm quyền quy định. Trình tự thủ tục giao đất, thuê đất, thu hồi đất trong thời gian qua đã đi vào nề nếp. Hồ sơ và trình tự giải quyết được lập theo đúng quy định của pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định. Trong quá trình thực hiện đã rà soát, kiểm tra một số tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng không hiệu quả.

b) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

- Trong 4 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh đã cấp phép tài nguyên nước và khoáng sản cho 03 đơn vị. (trong đó: Cấp giấy phép khai thác khoáng sản và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, mỏ đá bazan C, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa cho Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên; Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân xã Thuận An, huyện Đăk Mil cho BQL Dự án huyện Đăk Mil; Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước tại xã Đăk Mol, huyện Đăk Song cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Đăk Lăk).

- UBND tỉnh đã tham mưu, ban hành các văn bản liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước như: Dự thảo chương trình hành động của Ban thường vụ tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành trung ương; Triển khai dự án Khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất; Báo cáo về Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp số 430/QCPH-UBND ngày 28/3/2018 giữa UBND tỉnh Đăk Lăk và Đăk Nông; Ban hành văn bản chỉ đạo tăng cường giám sát, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đặc biệt là đá bazan dạng trụ, cột làm đá ốp lát; Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông và ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát, bổ sung nhu cầu thực hiện điều tra, tìm hiểu nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước; Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết một số vướng mắc trong công tác quản lý đá bazan dạng trụ, cột thu hồi đi kèm trong quá trình khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường.

c) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

- Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định của Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực môi trường:

+ Từ đầu năm 2019 đến nay, công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, hoạt động khai thác khoáng sản ngày càng phát triển; việc khai thác khoáng sản vẫn được quản lý, kiểm soát chặt chẽ hạn chế tối đa việc gây lãng phí nguồn khoáng sản của tỉnh nhà. Nhằm sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã phê duyệt 07 báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 05 dự án; Đồng thời đã tổ chức thẩm định 07 báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 02 dự án; xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT 02 dự án; thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt cho 07 dự án; Phê duyệt Đề cương dự toán Chương trình Quan trắc định kỳ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2019; Phê duyệt kế hoạch truyền thông môi trường của Quỹ Bảo vệ môi trường Đăk Nông năm 2019 thông qua việc tài trợ thùng rác; Báo cáo kết quả triển khai thực hiện xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2018; Báo cáo về kết quả kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh theo Chương trình kiểm soát ô nhiễm năm 2018 và lấy mẫu nước thải phục vụ công tác thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

+ Đối với công tác thanh tra, kiểm tra kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải nguy hại, giải quyết khiếu nại tố cáo đối với lĩnh vực môi trường: UBND tỉnh đã chỉ đạo giải quyết kiến nghị cử tri; Thông báo kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường năm 2018 cho 04 cơ sở; Tham gia họp đoàn công tác giám sát về bảo vệ môi trường tại nhà máy Alumin Nhân Cơ; Mời làm việc về việc báo cáo kết quả khắc phục các nội dung tồn tại và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định cho 03 cơ sở.

- Việc thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 như:

+ Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình thực hiện năm 2018 của Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đăk Nông.

+ Họp Hội đồng nghiệm thu 02 đề án: Toàn diện ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; Đánh giá tổng thể các tác động đến môi trường, sát lở từ các hoạt động khai thác cát trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

+ Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả triển khai thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

1.6 THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động trong cơ quan nhà nước:

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Nhằm nâng cao hiệu quả và tính chủ động trong tổ chức hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đăk Nông. Cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị đã thực hiện hiện nghiêm túc nội quy, chế độ làm việc và thực hiện tốt Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh về chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công viên chức.

Nhìn chung, việc tổ chức sắp xếp kiện toàn, tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ cấp tỉnh đến cấp huyện đảm bảo quy trình quy định của nhà nước. Các cơ quan, đơn vị sau khi thành lập, kiện toàn đều ban hành quy chế làm việc phù hợp với điều kiện làm việc của từng cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

- Quản lý thời gian lao động:

+ Việc sử dụng thời gian lao động:

* Các cơ quan, tổ chức đã xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc khoa học, hợp lý, thực hiện cải cách hành chính. Việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đối tượng tham dự và tiết kiệm thời gian không lãng phí.

* Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng thời gian lao động tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra vẫn còn một số cán bộ, công chức, viên chức còn vi phạm về thời gian.

+ Việc chấp hành kỷ luật lao động: Tất cả các cơ quan, tổ chức đã xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị mình; trong đó có quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế và Đề án vị trí việc làm:

+ Chính sách tinh giản biên chế:

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2016 về thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2021 của tỉnh theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế trong 07 năm (2015 - 2021) và xác định từng năm trong đó tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10% biên chế của địa phương được giao năm 2015. Đến nay UBND tỉnh đã phê duyệt đề án tinh giản biên chế cho 31 cơ quan, đơn vị bao gồm: 21 Sở, Ban , ngành; 08 huyện, thị xã; 01 hội đặc thù và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

+ Về thực hiện Đề án vị trí việc làm:

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1262/UBND-TH ngày 31/3/2016 về vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính; Triển khai Quyết định số

2057/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt danh mục khung vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Đăk Nông.

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Tổng số vốn chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp đầu năm 2019: 2.423.035 triệu đồng;

- Nợ phải thu khó đòi tại các doanh nghiệp đầu năm 2019: 48.954 triệu đồng.

a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn nhìn chung đang khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhiều công ty không còn năng lực hoạt động. Việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước kém hiệu quả, nợ khó đòi chiếm tỷ lệ lớn trong vốn chủ sở hữu.

b) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Phương án xử lý đất đai (rừng, đất rừng): Kết quả bàn giao rừng - đất rừng về cho các địa phương quản lý như sau:

+ Đã tổ chức bàn giao xong rừng và đất rừng cho các địa phương quản lý: Công ty TNHH MTV: Thuận Tân, Gia Nghĩa, Lâm nghiệp Trường Xuân, Lâm nghiệp Quảng Tín, Lâm Nông nghiệp Đức Lập và Lâm nghiệp Quảng Đức.

c) THTK, CLP tại các doanh nghiệp, trong đó:

- Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu: 69 triệu đồng;

- Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: 27 triệu đồng;

- Tiết kiệm chi phí quản lý: 379 triệu đồng;

1.8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thực hành tiết kiệm trong mua sắm và tiêu dùng.

- Tăng cường chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát thị trường, giá cả nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là các thời điểm mùa vụ, các dịp lễ, Tết. Bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới nhất là những thời điểm khó khăn, thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu hàng hóa, ngăn chặn và có biện pháp xử lý nghiêm việc nhập khẩu các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

- Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/9/2017 về việc tăng cường tiết kiệm điện để chỉ đạo các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các hộ sử dụng điện sinh hoạt tăng cường công tác tiết kiệm điện; hướng dẫn các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 15/9/2017; đồng thời Chỉ đạo Công ty Điện lực Đăk Nông phối hợp với UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về tiết kiệm điện của người dân, tổ chức.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn ngành thanh tra đã triển khai 33 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 488 tổ chức và 296 cá nhân. Qua thanh tra, phát hiện 46 tổ chức, cá nhân có sai phạm với tổng số tiền 300 triệu đồng và đã thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 300 triệu đồng.

III. Phân tích, đánh giá:

1. Đánh giá kết quả đạt được:

- Nhìn chung, tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các đơn vị đã có những chuyển biến tích cực; công tác THTK, CLP đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời; công tác tuyên truyền và thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP trong các lĩnh vực được đẩy mạnh.

- Nhận thức và hành động của đa số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên. Qua đó đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh và phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, hành vi lãng phí.

- Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cơ bản đúng theo chế độ, định mức nhà nước ban hành và quy chế chi tiêu nội bộ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan; thông qua kinh phí tiết kiệm đã cải thiện được thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong từng cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành; sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả. Trình tự, thủ tục mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công thực hiện theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp.

- Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng công theo đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị. Tài sản được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, chống lãng phí.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về THTK-CLP tại một số cơ quan, địa phương chưa thật sự triệt để, chưa chủ động và quyết liệt trong việc triển khai thực hiện Chương trình THTK-CLP.

+ Trong công tác xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch dẫn đến việc đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện chưa đạt hiệu quả cao.

+ Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị báo cáo chậm so với thời hạn quy định; số liệu báo cáo không đầy đủ theo biểu mẫu quy định dẫn đến công tác tổng hợp trên địa bàn toàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới ở một số nơi chưa được chú trọng; hiệu quả phát hiện các hành vi lãng phí trong quá trình tự thanh kiểm tra, của các đơn vị còn thấp.

- Một số cán bộ, công chức đã được quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP nhưng còn chậm trong thay đổi nhận thức và hành động dẫn đến một số nội dung kinh phí tiết kiệm chưa đạt kết quả đề ra.

- Việc triển khai công tác THTK, CLP của các Công ty TNHH MTV và công ty cổ phần có sử nguồn vốn của Nhà nước đạt kết quả chưa cao, việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo chưa có nền nếp, chất lượng báo cáo còn hạn chế, chưa đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra, việc THTK, CLP là góp phần thiết thực, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức được tầm quan trọng và chưa chủ động trong công tác kê khai quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tất cả các tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản khác trên 500 triệu đồng sau khi có biến động (tăng, giảm) phải lập hồ sơ báo cáo. Tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị khi có biến động về tài sản chưa thực hiện việc báo cáo kê khai theo quy định.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Trách nhiệm, sự quan tâm, chú trọng việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự đúng mức, chưa có chế tài thích đáng đối với những trường hợp gây lãng phí. Từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện THTK, CLP.

- Một số định mức chi tiêu chưa phù hợp với tình hình thực tế gây khó khăn trong việc thực hiện. Cơ chế quản lý giám sát tài sản, đất đai, tài nguyên,... còn lỏng lẻo, việc công khai minh bạch nhiều lĩnh vực còn hạn chế dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí, tài sản, đất đai ... chưa cao.

- Do tác động của yếu tố khách quan như: Nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm tăng, kinh phí thì hạn hẹp; giá cả một số mặt hàng tăng so với năm trước vì vậy số tiền thực hiện tiết kiệm không lớn.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP 06 tháng cuối năm 2019:

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2017-2020 của UBND tỉnh đã đề ra; phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể hóa các chỉ tiêu tiết kiệm (bằng số liệu cụ thể) và đưa ra các giải pháp sát thực tế để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã xây dựng;

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội và phấn đấu đảm bảo hoàn thành dự toán ngân sách năm 2019; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các mục chi theo dự toán, tiết kiệm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Đối với các khoản chi lớn, đưa ra nhiều phương án lựa chọn tối ưu để thực hiện;

- Xác định THTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện và thị xã, các Công ty TNHH MTV vốn 100% của Nhà nước; xây dựng và củng cố đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm tiết kiệm và phòng chống tham nhũng, lãng phí;

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1 Về lãnh đạo, điều hành:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, tăng cường vai trò của cấp ủy Đảng trong quản lý, giáo dục đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chỉ đạo các cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; mọi hành vi vi phạm, gây lãng phí xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2 Về công tác cải cách hành chính:

- Triển khai thực hiện toàn diện các nội dung theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ trong đó, tập trung các nội dung chủ yếu như: Đổi mới, sáp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm biên chế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là năng lực thực thi công vụ, kỹ năng và văn hóa công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Tiến hành rà soát các văn bản đang thực hiện về các lĩnh vực có liên quan, đề xuất hoặc loại bỏ ngay những nội dung quy định không còn phù hợp với các chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cáo hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác công khai minh bạch quyền và nghĩa vụ của cán bộ công nhân viên trong các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện đồng bộ các biện pháp THTK, CLP với phòng chống tham nhũng, đẩy mạnh việc phân cấp quản lý tài chính, tài sản, cải cách hành chính và đồng thời luân chuyển vị trí công tác đối với cán bộ công nhân viên (CBCNV) theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV trong công tác THTK, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các phong trào thi đua trong lao động, sản xuất.

2.3 Về việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:

- Thực hiện nghiêm túc công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách; mua sắm tài sản; đầu tư xây dựng cơ bản; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; sử dụng các khoản huy động và đóng góp trong nhân dân; quy trình, thủ tục giải quyết công việc của từng cơ quan, đơn vị gắn với cải cách các thủ tục hành chính; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển vị trí công tác cán bộ; xây dựng, thể chế hóa pháp luật;

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả dự toán thu chi ngân sách nhà nước giao hàng năm; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo đúng theo dự toán đã được phê duyệt. Triệt để tiết kiệm chi quản lý hành chính (như điện, nước, văn phòng phẩm, xăng dầu, cử cán bộ đi công tác trong và ngoài tỉnh, tổ chức hội nghị, hội thảo; tiếp khách ...).

- Xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phấn đấu đồng thời gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

2.4 Về lĩnh vực đất đai:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 và tổ chức thực hiện phục vụ kịp thời công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án; giải quyết các hồ sơ giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong những tháng tiếp theo; tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng các dự án.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương dự toán bảng giá các loại đất 05 năm giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; thực hiện công tác Thông kê đất đai trong tháng 5, 6; lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất

theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về đất đai và tình hình quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai tuyên truyền, phổ biến những nội dung về cơ chế mới trong thực hiện Luật Đất đai năm 2013; tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai.

2.5 Về lĩnh vực khoáng sản:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương trình UBND tỉnh cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định báo cáo thăm dò khoáng sản; thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định; Kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch về thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Phối hợp tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Tỉnh ủy về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản của tỉnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

+ Chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương xây dựng kế hoạch khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đăk Nông trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

2.6 Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của người dân trên địa bàn tỉnh Đăk Nông: Phối hợp, tổ chức hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về các vấn đề môi trường; Tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, phản ánh về môi trường của các tổ chức, cá nhân; Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và y tế trên địa bàn, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng tiếp tục thông báo nộp phí bảo vệ môi trường cho các đơn vị theo quy định; Thẩm định tờ khai, thu phí BVMT của các tổ chức; Tổ chức kiểm tra các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển, chủ xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.

- Chỉ đạo xây dựng Đề cương Chương trình giám sát tăng cường tác động môi trường xung quanh đối với hoạt động khai thác boxit trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2019;

- Chỉ đạo xây dựng Chương trình Kiểm soát ô nhiễm 2019.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6, ngày Quốc tế Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng:

Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đôn đốc sau thanh tra về việc chấp hành các quyết định thu hồi, kiến nghị, xử lý sau thanh tra đã có hiệu lực; thực hiện nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Đồng thời, chủ động gắn công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là báo cáo kết quả về thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

(Gửi kèm Phụ lục báo cáo kết quả công tác THTK, CPL; kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019)./...

Noi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTTH(U).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bôn

BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

KỲ BÁO CÁO: 6 tháng đầu năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	39	23	23	59%	100%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ sửa đổi, bổ sung	Văn bản	333	16	16	5%	100%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	25	14	14	56%	100%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	3	0	0	0%		
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiên nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	20.226	0	0	0%		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		361.452	372.952	391.839			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	300	250	250	83%	100%	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	120.543	131.899	125.123	104%	95%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	300	527	250	83%	47%	
1.4	Các nội dung khác (tăng thu, tiết kiệm chi)	Triệu đồng	240.308	240.276	266.216	111%	111%	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		12.852	7.613	3.305			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		7.895	5.268	960	12%	18%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	478	561	150			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	3.475	373	118			
	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	311	346	65			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng	848	910	147			
	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	259	179	26			
	Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	740	821	187			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	670	619	89			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng	456	796	106			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	Triệu đồng	658	664	73			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoán chi được duyệt
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện di lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		371	77	77	21%	100%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện di lại đã chi	Triệu đồng	303	22	22			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	68	55	55			
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	Triệu đồng	60	37	37			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	0	0	0			
	Thương thảo hợp đồng	Triệu đồng	0	0	0			
	Các nội dung khác	Triệu đồng	8	18	18			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	4.583	2.265	2.265	49%	100%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	4	2	2	52%	100%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	Triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	319	250	250	78%	100%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	37	39	39	105%	100%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	210	201	201	96%	100%	
4	Các nội dung khác							



Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoán chi được duyệt

Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		322	277	267			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	265	265	265	100%	100%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, điều chuyển)	Chiếc	27	0	0	0%		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	18	0	2	11%		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	12	12	0	0%	0%	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	0	0			
2	Tài sản khác		5	0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	5	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án	1	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	33.684	12.241	12.241	36%	100%	Tiết kiệm được so với dự toán duyệt, được giảm giá thầu, giảm từ được duyệt quyết toán dự án hoàn thành
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	2.317	1.404	1.404			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	704	635	635			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	100	102	102			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	30.563	10.100	10.100			
	- Các nội dung khác		0	0	0			
1.3	Số vốn châm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	3.796	1.000	1.000	26%	100%	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	5	1	1	20%	100%	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ		0	0	0			
	Số lượng	Dự án	0	0	0			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.869.413	1.715.094	1.715.094	92%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	19.377	0	0	0%	#DIV/0!	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	22.006	19.629	19.629	89%	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m ²	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m ²	142	173	173	122%	100%	
1.3	Số tiền phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	2	0	0			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	1	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	4	20	20	488%	100%	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	306	69	69	23%	100%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	55	27	27	49%	100%	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	24.240	9.050	9.050			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	4.000	600	600			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	717	379	379	53%	100%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	110	0	0	0%		
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	35	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng	Triệu đồng	0	0	0			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	2	1	1	50%	100%	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	3	1	1	33%	100%	
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		2.179	1.731	1.731	79%	100%	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dư toán	Triệu đồng	2.260	615	615	27%	100%	
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	893	356	356	40%	100%	
	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	1.901	1.662	1.662	87%	100%	
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	27.568	24.300	9.299	34%	38%	
2.4	Lãnh phí, vi phạm, thất thoát vốn	Triệu đồng	1.000	1.000	1.000			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãnh phí, vi phạm pháp luật	Dự án	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãnh phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
3.1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0			
3.2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãnh phí	Triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	13	3	3			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
5.1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	37.551	41.505	41.505	111%	100%	
5.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	43.954	48.954	48.954	111%	100%	
6	Vốn chủ sở hữu							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2018	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
6.1	Số đầu năm	Triệu đồng	2.450.160	2.423.035	2.423.035	99%	100%	
6.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	2.445.640	2.412.206	2.412.206	99%	100%	
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân		0	0	0			
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Luợt hộ	142.064	0	0	0%	#DIV/0!	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP		0	0	0			
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	305	33	33	11%	100%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	297	20	20	7%	100%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/dơn vị	1.372	488	488	36%	100%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/dơn vị	202	46	46	23%	100%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát		143	300	300	209%	100%	
5.1	Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	11.477	1.502	1.502	13%	100%	
a	Chi cục Quản lý thị trường	Triệu đồng	0	0	0			
b	Thanh tra tỉnh	Triệu đồng	0	0	0			
5.2	Diện tích đất rừng bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Ha	0	0	0			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	2.336	300	300	13%	100%	
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP	người	0	0	0			
	Xử lý hành chính, kỷ luật	người	118	0	0			
	Xử lý hình sự	vụ việc	5	0	0			